

## TƯ TƯỞNG VỀ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ CỦA SIMONE DE BEAUVOIR VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ VỚI VIỆC THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ NGÀ (\*)

BÙI THỊ TÌNH (\*\*)

*Bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ là một trong những mục tiêu lớn của Đảng và Nhà nước ta. Trong bài viết này, từ việc phân tích một số tư tưởng cơ bản của Simone De Beauvoir về giải phóng phụ nữ, tác giả đã chỉ ra ý nghĩa của những tư tưởng ấy đối với việc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam. Tác giả cho rằng, chính quan điểm “hãy xem xét con người từ hoàn cảnh” đã gợi mở cho công cuộc giải phóng phụ nữ trên thế giới cũng như ở nước ta ba vấn đề: Một là, để có bình đẳng giới, con người cần xoá bỏ định kiến giới; hai là, để hướng tới mục tiêu bình đẳng giới, con người không chỉ cần điều kiện kinh tế, mà cần cả những thay đổi khác về cơ chế xã hội, quan hệ xã hội; và ba là, để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ thì chính phụ nữ phải là chủ thể có trách nhiệm cá nhân, tích cực đấu tranh cho sự tồn tại của mình.*

1. Thực tế cho thấy, đến nay, công cuộc giải phóng và nâng cao quyền lợi, vị thế của phụ nữ trên khắp thế giới đã có nhiều tiến bộ. Các thuyết nữ quyền ra đời đã trang bị vũ khí lý luận đấu tranh cho phụ nữ và đạt được những bước tiến nhất định. Một trong những thuyết nữ quyền có ảnh hưởng rộng rãi, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào phụ nữ thế kỷ XX là thuyết nữ quyền của Simone De Beauvoir (1908 - 1986) - nhà văn, nhà triết học, nhà nữ quyền Pháp.

Trên lập trường triết học hiện sinh, đề cao tư tưởng của C.Mác về giới, từ sự phê phán các quan điểm giới trong lịch sử, Beauvoir chỉ ra rằng, *sự phân biệt giới không phải là tiền định, càng không phải do yếu tố sinh học hay tính*

*dục như người ta đã từng nói, mà là hiện tượng mang tính xã hội được huyền thoại hóa, được xã hội, lịch sử duy trì và áp đặt trong suốt chiều dài lịch sử. Bởi vậy, theo Beauvoir, giải phóng phụ nữ là cần xoá bỏ định kiến của lịch sử, tháo dỡ những tư tưởng không đúng của các huyền thoại về phụ nữ. Nội dung đó gắn chặt chẽ, song hành với cuộc cách mạng mà bà gọi là “cuộc cách mạng giới”. Cuộc cách mạng giới được thực hiện trên lập trường triết học hiện sinh rằng: “Người ta sinh ra không phải là phụ nữ mà trở thành phụ nữ”. Bởi không có hoàn cảnh định sẵn, mà “mọi sự đều có thể nếu phụ nữ biết*

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(\*\*) Tiến sĩ, Khoa Triết học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

nắm trong tay số mệnh của mình”.

Theo Beauvoir, để tạo sự bình đẳng thì không ai khác, chính phụ nữ phải gương cao ngạo cỡ tự do, đề cao tính chủ thể và tự vượt lên chính mình chứ không phải trông chờ vào sự giải phóng từ bên ngoài. Beauvoir yêu cầu phụ nữ tự ý thức về mình, vượt lên cái tôi thường nhật để được tự do và tự khẳng định nhân vị. Con đường giải phóng phụ nữ mà Beauvoir đưa ra hướng vào việc phát huy tính độc lập, tự chủ của người phụ nữ, thôi thúc họ tự phấn đấu vươn lên. Phụ nữ phải luôn tự chịu trách nhiệm về bản thân mình, cuộc đời mình; không sống thừa, sống phí, sống như cây cỏ hay chỉ là vật mua vui cho đàn ông.

Với quan điểm chủ đạo *không hề có bản chất phụ nữ*, càng không có “tính nữ vĩnh hằng”, Beauvoir khẳng định: Không thể dùng một nền đạo lý chung chung để xem xét người phụ nữ. Vấn đề phụ nữ cũng không phải ở cái tên hay ở quan niệm, bởi nếu có *một phụ nữ cụ thể, tức là phải có một hoàn cảnh phụ nữ*. Beauvoir yêu cầu mọi người hãy *giải thích phụ nữ bằng hoàn cảnh của họ, chứ không giải thích hoàn cảnh của họ bằng tính chất của họ*. Bà nhấn mạnh, để giải thích bản chất thì cần “viện dẫn hoàn cảnh” chứ không phải đi từ một bản chất huyền bí. Bởi, giữa phụ nữ và nam giới luôn có một sự tương phản khi so sánh: “Người ta không bao giờ có thể tạo ra công bằng trong lòng sự bất công. Một nhà cai trị thuộc địa không bao giờ cư xử tốt với người bản xứ, tướng đối với binh lính cũng như

vậy. Giải pháp duy nhất là đừng làm dân thuộc địa, đừng làm tướng. Song người đàn ông không thể ngăn cản mình không trở thành đàn ông. Họ là thủ phạm bất đắc dĩ và thực hiện việc áp bức bằng chính tội lỗi đó, tội lỗi mà họ không tự mình phạm phải và như vậy, phải chăng họ là nạn nhân, bất chấp họ thế nào”(1).

Theo Beauvoir, chính sự đòi hỏi đó đã tạo nên cái phi lý của việc lựa chọn. Đàn ông luôn lựa chọn về mình và chịu trách nhiệm trước mọi sự và trước tất cả mọi người. Vậy, phụ nữ có thể lựa chọn một cách xác thực trong mọi hoàn cảnh chăng? Trả lời câu hỏi này, trong *Giới thứ hai*, Beauvoir đã chỉ ra vai trò của yếu tố văn hoá, giáo dục và hoàn cảnh đối với thân phận phụ nữ.

Căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của mỗi con người, Beauvoir bác bỏ các quyền trữu tượng và yêu cầu phụ nữ phải được bình đẳng; đồng thời, bà cũng phản đối chủ nghĩa cải lương khi muốn thay thế công lý bằng sự bình đẳng, nghĩa là, bảo đảm cho phụ nữ việc làm và quyền lựa chọn, nhưng lại giam giữ họ trong bốn bức tường của gia đình. Theo bà, nếu chỉ thay đổi hoàn cảnh kinh tế thì sẽ không đủ để làm thay đổi thân phận phụ nữ. Vì thế, xã hội phải thiết lập một nền luân lý mới và loại bỏ tư tưởng về những huyền thoại mà đàn ông và xã hội đã dựng nên. Chỉ như thế, phụ nữ mới có nhiều cơ hội lựa chọn. Tư tưởng này bao hàm ý nghĩa về “cách

(1) S.D.Beauvoir. *Le deuxième sexe* (giới thứ hai), t.2. Nxb Gallimard, Paris, tr.642 - 643.

mạng thường trực”, bởi mọi thái độ chân chính về luân lý đều đòi hỏi phải được áp dụng và làm đi làm lại không ngừng. Nói cách khác, sẽ không có một luân lý vĩnh viễn có thể áp dụng trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh, mà con người luôn phải sáng tạo và đổi mới không ngừng. Vì thế, không nên hiểu vấn đề giới chỉ bằng “sự khác nhau” hay sự không đồng nhất, mà cần phải hiểu vấn đề trong cả sự giống nhau: “Là một con người, đó là điều vô cùng quan trọng trong tất cả những sự khác biệt đặc trưng của con người... Trong cả hai giới cùng có thể xác và tinh thần, sự đối lập giữa sự hữu hạn và siêu việt, cả hai đều bị thời gian gặm nhấm, bị cái chết rình rập, giới nào cũng có một nhu cầu cơ bản đối với giới kia”(2). Tư tưởng này được coi là một chân lý làm cơ sở cho mọi sự luận chứng về mối quan hệ giữa nam và nữ. Tuy hai giới có khác biệt về thể chất, trí tuệ..., nhưng họ đều là những con người và như vậy, cần phải được đối xử bình đẳng như nhau. Đó là sự bình đẳng trong sự khác biệt, sự thống nhất trong tính đa dạng.

Mặc dù vậy, trên tinh thần hiện sinh, với thái độ khách quan, Beauvoir cũng khẳng định rằng, để giải phóng mình, *bản thân phụ nữ phải thực hiện sự tự do*. Để được tự do trọn vẹn, người phụ nữ luôn phải có trách nhiệm với bản thân mình. Trước hết, phụ nữ phải có trách nhiệm với chính mình, tự giải phóng, tự quyết định tự do của mình. Để đạt được tự do tuyệt đối, người phụ nữ phải khẳng định được tính chủ thể của bản thân.

*Tính chủ thể* là sự biểu hiện của con người hiện sinh luôn làm chủ bản thân. Trong mọi hoàn cảnh, người phụ nữ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về cái “hiện là” mà không được thờ ơ hay thoái thác trách nhiệm của mình cho kẻ khác. Nói như Sartre, “bước đầu tiên của chủ nghĩa hiện sinh là làm sao để con người làm chủ được mình hiện là và bắt con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc đời mình”(3) và “mỗi người phải tự chịu trách nhiệm về mình trước mọi sự”. Thấm nhuần tư tưởng này, Beauvoir cho rằng, dù phải đặt trong mối quan hệ với tha nhân - đàn ông, nhưng phụ nữ luôn phải có ý thức vươn lên để khẳng định bản sắc của mình. “Dù cho hạnh phúc của một con người sẽ là cái gì đi nữa thì cũng không phải do người khác quyết định và áp đặt từ bên ngoài. Cái thiện của những tha nhân là “mục đích tuyệt đối”(4). Bản thân người phụ nữ phải tự mình ý thức được điều này. Họ phải tự vượt qua thân phận của mình thì họ mới có được vị thế ngang hàng với nam giới. Làm được điều đó, người phụ nữ hiện sinh bộc lộ “cái tôi” độc đáo của riêng mình.

Như vậy, để đấu tranh giải phóng mình thì nhiệm vụ của phụ nữ không đơn giản chỉ là xoá bỏ địa vị áp bức của nam giới, cũng không phải là đấu tranh đòi quyền lực từ đàn ông, mà bản thân họ phải tự vươn lên trong quan hệ với

(2) S.D.Beauvoir. *Sdd.*, tr.648.

(3) J.P.Sartre. *Hiện sinh một nhân bản thuyết*. Nxb Thế sự, Sài Gòn, 1968, tr.20.

(4) S.D.Beauvoir. *Pour une morale de l'ambiguïté* (Về một nền luân lý của sự hàm hồ). Nxb Gallimard, Paris, 1947, tr.142.

tha nhân, không phụ thuộc vào đàn ông với bất cứ điều kiện hay quy tắc nào.

Với những lập luận sắc sảo trên đây, ý tưởng hiện sinh của Beauvoir ngày càng sáng tỏ. Bà đã cương quyết đấu tranh cho một thế giới không có gì được định sẵn, cũng không có ý nghĩa sẵn có, càng *không có tính nữ vĩnh hằng*. Cuộc đấu tranh như vậy thể hiện niềm vui của con người được “bộc lộ” bản thể.

2. Với những ý tưởng độc đáo trên, luận lý hiện sinh của Beauvoir được thừa nhận là tiền thân, mở đường cho phong trào nữ quyền hiện đại. Luận lý của bà dựa trên sự phân tích về tính tạm thời của con người và mối quan hệ giữa những con người khác biệt trong những hoàn cảnh cá nhân khác nhau. Chính việc Beauvoir xem xét con người từ hoàn cảnh đã gợi mở những vấn đề, những điểm hợp lý, tích cực cần bổ sung cho công cuộc giải phóng phụ nữ ở nước ta.

Một là, để có bình đẳng giới, con người cần xóa bỏ định kiến giới. Để làm được điều này, trước hết, phụ nữ phải được vượt lên thông qua những dự phóng riêng của mình, bỏ qua các định kiến mang tính huyền thoại cũng như sự áp đặt vô cơ từ trong lịch sử.

Thực tế cho thấy, định kiến giới phổ biến không chỉ ở giới nam, mà cả ở giới nữ. Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng ở cả phụ nữ lẫn nam giới. Một nghiên cứu cho biết, khi yêu cầu sinh viên mô tả những nét tính cách, những đặc điểm của nam giới và của nữ giới (nói chung), thì tư duy của sinh viên thường dập theo khuôn mẫu giới

đang có về nam hay nữ. Sinh viên cho rằng, nam giới có đặc trưng là mạnh mẽ, quyết đoán, lãnh đạo, tự chủ, ít nói, tháo vát, linh hoạt v.v.. Còn nữ giới có tính nhẹ nhàng, chung thủy, lắng nghe, nhường nhịn, chịu khó, biết tôn trọng người khác v.v.. Tuy nhiên, khi yêu cầu các sinh viên mô tả những nét tính cách, những đặc điểm đặc trưng của mình, thì kết quả cho thấy lại không hề tồn tại sự khác biệt trong tính cách, đặc điểm của sinh viên nữ hay sinh viên nam. Có nghĩa là, cả sinh viên nam lẫn sinh viên nữ đều có gần hết các đặc điểm mà họ cũ nghĩ đó là của đàn ông hoặc của đàn bà. Nhiều sinh viên nữ nói rằng, họ có các đặc điểm như mạnh mẽ, tự chủ, ít nói, kiên định v.v. và nhiều nam sinh viên cũng cho rằng, những đặc điểm như nhường nhịn, tôn trọng, tế nhị, biết lắng nghe v.v.. là phẩm chất có trong con người họ. Điều này cho thấy, không phải tự nhiên để người ta dễ dàng nhận ra rằng, chính mình đang mang nặng định kiến giới.

Tại Việt Nam, hướng tới mục tiêu bình đẳng giới, nhiều giải pháp khác nhau đã được thực hiện nhưng dường như chưa thực sự mang lại hiệu quả như mong muốn, do nhiều nguyên nhân về kinh tế, xã hội và đặc biệt là định kiến giới. Có nhà nghiên cứu cho rằng, những chuẩn mực về giới trong xã hội qua nhiều thế hệ đã “bám rễ” vào nhận thức, nếu không bị “quạt” lên, thay đổi thì đấu tranh bình đẳng giới sẽ khó có kết quả. Điều này đòi hỏi mỗi con người và toàn xã hội phải chủ động, tích cực và có những giải pháp tổng thể.

Cần phải tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, đẩy mạnh công tác truyền thông, lồng ghép giới trong các chương trình giáo dục, bồi dưỡng các cấp để thay đổi định kiến giới vốn đã ăn sâu vào suy nghĩ của các thế hệ, không chỉ ở người dân, mà cả trong tư duy của các cấp lãnh đạo, quản lý. Vấn đề thực hiện bình đẳng giới được thể hiện trong việc Việt Nam đã phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW). Điều này cũng được thể hiện trong các Văn kiện lớn của Đảng và từng bước được cụ thể hoá trong luật pháp, chính sách như Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ... Đó là những căn cứ pháp lý để định hướng nhận thức và hành vi cho người dân cũng như cho các nhà lãnh đạo, quản lý.

Cần nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho người dân, cho cộng đồng và xã hội thông qua truyền thông. Hình ảnh những người phụ nữ tham gia các hoạt động xã hội ở các vị trí quan trọng hay hình ảnh nam giới tham gia các công việc gia đình đã và đang dần làm thay đổi nhận thức trong công chúng rằng, nam hoặc nữ đều có thể làm bất cứ công việc gì phù hợp với khả năng của họ nhằm gia tăng hiệu quả công việc, góp phần xây dựng hạnh phúc gia đình, đáp ứng nhu cầu của xã hội mà không có sự phân định hoàn toàn cho một giới nào khác.

*Hai là*, hướng tới mục tiêu bình đẳng giới, xã hội không chỉ cần điều kiện kinh tế, mà cần cả những thay đổi khác về cơ chế xã hội, quan hệ xã hội để tạo cơ hội, điều kiện cho phụ nữ có thể độc lập, tự chịu trách nhiệm cá nhân về tự do, hạnh phúc của chính mình. Con người với tính cách một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội thì không thể chối bỏ những quy luật sinh học tự nhiên, quy luật tâm sinh lý và các quy luật xã hội khác chi phối trong quá trình tồn tại, phát triển của mình. Nói cách khác, ở góc nhìn khác, con người là sản phẩm của những hoàn cảnh, của những quan hệ xã hội nhất định. Nền kinh tế tiểu nông gắn với văn hóa làng xã và những chuẩn mực đạo đức Nho giáo đã ăn sâu vào tâm thức mỗi người, hình ảnh thân phận người phụ nữ chỉ gắn với công việc gia đình, chăm sóc con cái và lệ thuộc vào đàn ông...

Trong xã hội mới, với điều kiện kinh tế mới, những quan niệm mới, tiến bộ về phụ nữ được xây dựng, những chuẩn mực, giá trị mới được hình thành... Phụ nữ Việt Nam cũng đã có nhiều thay đổi. Nhiều phụ nữ tham chính ở các cấp, nhiều nhà khoa học nữ, nhiều nữ nghệ sĩ, nghệ nhân nhận được giải thưởng danh giá, nhiều nữ doanh nhân thành đạt, đem lại nguồn lợi kinh tế cho đất nước. Những thành tựu có được không chỉ là thành quả vươn lên không ngừng của chính phụ nữ, mà đó còn là thành quả của sự thay đổi tích cực trong cả gia đình và ngoài xã hội. Hiện nay, cần

dẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường để xóa bỏ tận gốc cơ sở kinh tế của những tâm lý, tập quán, thói quen, lối sống lạc hậu trong nền sản xuất nhỏ mà xã hội cũ để lại, tạo tiền đề hình thành thói quen, lối sống văn minh, tiến bộ. Đồng thời, việc phát triển kinh tế sẽ tạo ra những điều kiện khách quan thuận lợi, tạo cơ hội nâng cao điều kiện sống và làm việc cho phụ nữ. Để có thể phát huy hết vai trò và khả năng của phụ nữ, các dịch vụ xã hội dành cho gia đình cần được phát triển một cách rộng rãi và phù hợp. Tạo điều kiện cho phụ nữ đầu tư sản xuất, kinh doanh, cải thiện thu nhập, có tiếng nói trong gia đình và từ đó, ít lệ thuộc hơn vào người chồng.

*Ba là*, để thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ thì chính phụ nữ phải là chủ thể có trách nhiệm cá nhân, tích cực đấu tranh cho sự tồn tại của mình. Công cuộc đấu tranh giải phóng phụ nữ là sự nghiệp của toàn xã hội, nhưng trước hết, phải là sự nghiệp của bản thân phụ nữ. V.I.Lênin đã từng chỉ ra rằng, phụ nữ chỉ được giải phóng, được phát triển khi họ tự nhận thức được vị trí, vai trò của mình và có quyết tâm đấu tranh vì sự nghiệp cao cả ấy; việc giải phóng lao động nữ phải là công việc của bản thân phụ nữ.

Bản thân phụ nữ phải tự khắc phục tâm lý tự ti, tự đánh giá thấp mình để tự tin học hỏi, vươn lên bình đẳng với nam giới. Hiện nay, phụ nữ cần thay đổi nhận thức, rằng vị thế thấp kém của họ trong xã hội không phải do yếu

tố tự nhiên sinh học, mà bắt nguồn từ những yếu tố xã hội. Vì vậy, muốn đấu tranh để xóa bỏ sự bất bình đẳng đó trong xã hội, trước hết, phải ngay từ chính bản thân phụ nữ. Nếu phụ nữ không có đủ trình độ hiểu biết, năng lực và khả năng đấu tranh để bảo vệ mình, thì khó có thể vận động người khác trong xã hội giúp đỡ họ. Vì vậy, phụ nữ cần vượt lên chính mình theo hướng tích cực, giữ gìn những phẩm chất đạo đức, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chủ động trang bị cho mình một trình độ học vấn, một nghề nghiệp ổn định; trang bị tri thức về luật pháp và các chính sách có liên quan đến bình đẳng giới... Phụ nữ cần biết cách san sẻ các công việc trong gia đình cho nam giới để có thời gian nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; đảm bảo cân bằng giữa công việc gia đình và công việc ngoài xã hội, nhằm tạo tiền đề cho sự hình thành quyền tự quyết, tự chủ trong cuộc sống của chính mình.

Như vậy, việc thực hiện các mục tiêu bình đẳng giới, giải phóng phụ nữ không thể dừng lại ở các suy tư lý tính, các mệnh lệnh hành chính và các khẩu hiệu, mà cần phải được thay đổi trong cả nhận thức lẫn hành vi hiện thực của các chủ thể xã hội trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Có như vậy, công cuộc đấu tranh vì bình đẳng giới trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng mới thực sự đem lại hiệu quả như mong muốn, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ. □